

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **05 (Năm)** thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 04 (Bốn) thủ tục hành chính.

2. Thủ tục hành chính cấp xã: 01 (Một) thủ tục hành chính.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường niêm yết công khai đầy đủ danh mục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng quy trình nội bộ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và xây dựng quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế:

- Các nội dung tại các số thứ tự 14, 16 mục IV Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long.

- Thay thế Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Khoa học, công nghệ và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- TTPVHCC, P.KT-NV;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ
NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP							
I. CẤP TỈNH							
1	1.011647.H61	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	- 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp hồ sơ phải thực hiện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: 65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở nông nghiệp và môi trường - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Không quy định	- Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008. - Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
2	1.009478.H61	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản	- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Cơ quan thực hiện: đơn vị chuyên môn thuộc Sở nông	Lệ phí: 150.000 Đ ồng	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
		lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	có thẩm quyền thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan quản lý có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Cơ quan quản lý có thẩm quyền có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. - Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố hợp quy để xử lý như sau: + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành Thông báo tiếp	ng nghiệp và môi trường - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường		2006. - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
			nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ			của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 /11 /2017 của Chính phủ.	
3	1.003371.000.00.00.H61	Công nhận lại doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở nông nghiệp và môi trường - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Không	- Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
4	1.003618.H61	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở nông nghiệp và môi trường - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Không	Điều 25, Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ quy định Nghị định về khuyến nông.	
II. CẤP XÃ							
1	1.003596.H61	Phê duyệt kế	60 ngày	Trung tâm Phục vụ	Không	Điều 25, Nghị	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
		hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)		hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện: UBND xã		định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ quy định Nghị định về khuyến nông.	

**PHẦN II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Tên TTHC: Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao (Mã TTHC: 1.011647.H61)

*** Trường hợp hồ sơ hợp lệ:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Sở Nông nghiệp và môi trường xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5
Bước 2	Chuyên viên phòng Kế hoạch, tài chính và xây dựng công trình kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, tham mưu lãnh đạo thông báo cho tổ chức đề nghị công nhận	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05
Bước 3	Lãnh đạo phòng Kế hoạch, tài chính và xây dựng công trình tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		15,5
Bước 4	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh		01
Bước 5	Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý	Ủy ban nhân dân tỉnh	08
Bước 6	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày

*** Trường hợp phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Sở Nông nghiệp và môi trường xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5
Bước 2	Chuyên viên phòng Kế hoạch, tài chính và xây dựng công trình kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức đề nghị công nhận hoàn thiện hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05
Bước 3	Tổ chức đầu mối của vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoàn thiện hồ sơ nộp	Tổ chức đầu mối của vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	30
Bước 4	Lãnh đạo phòng Kế hoạch, tài chính và xây dựng công trình tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18,5
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh		01
Bước 6	Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý	Ủy ban nhân dân tỉnh	10
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết			65 ngày

2. Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (Mã TTHC: 1.009478.H61)

*** Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển đơn vị chuyên môn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục TT&BVTV; Chi cục Thủy sản và kiểm ngư)	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc các Chi cục kiểm tra thẩm định nội dung hồ sơ, dự thảo Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy và trình lãnh đạo Phòng xem xét	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét trình lãnh đạo Chi cục		0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục xem xét trình lãnh đạo Sở		01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo xem xét ký kết quả		0,5 ngày
Bước 6	Tiếp nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Trung tâm PVHCC tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			05 ngày

*** Trường hợp hồ sơ đăng ký không đầy đủ theo quy định:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển đơn vị chuyên môn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục TT&BVTV; Chi cục Thủy sản và kiểm ngư)	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn kiểm tra hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày
Bước 3	Tổ chức cá nhân không bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định	Tổ chức, cá nhân	15 ngày
Bước 4	Chuyên viên phòng chuyên môn trả hồ sơ cho công chức		0,5

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian ngày làm việc)
	TTPVHCC		
Bước 5	Kết thúc xử lý hồ sơ	Trung tâm PVHCC tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			18 ngày

3. Tên TTHC: Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mã TTHC: 1.003371.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Sở Nông nghiệp và môi trường xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5
Bước 2	Chuyên viên phòng Kế hoạch, tài chính và xây dựng công trình kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, tham mưu thành lập tổ thẩm định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	4,5
Bước 3	Lãnh đạo phòng Kế hoạch, tài chính và xây dựng công trình tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		04
Bước 4	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh		02
Bước 5	Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý hồ sơ	Ủy ban nhân dân tỉnh	07
Bước 8	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết			18 ngày

4. Tên TTHC: Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (1.003618.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Sở Nông nghiệp và môi trường xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5
Bước 2	Chuyên viên phòng Kế hoạch, tài chính và xây dựng công trình thẩm định nội dung, dự toán kinh phí trình lãnh đạo phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	36,5
Bước 3	Lãnh đạo phòng Kế hoạch, tài chính và xây dựng công trình tham mưu lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt		05
Bước 4	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh		03
Bước 5	Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý hồ sơ	Ủy ban nhân dân tỉnh	15
Bước 8	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết			60 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tên TTHC: Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã) (1.003596.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển phòng chuyên môn	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	0,5
Bước 2	Chuyên viên Phòng chuyên môn thẩm định nội dung, dự toán kinh phí trình lãnh đạo phòng	UBND xã	51,5
Bước 3	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tham mưu trình lãnh đạo UBND xã		05
Bước 4	Lãnh đạo xã phê duyệt kế hoạch		03
Bước 8	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	
Tổng thời gian giải quyết			60 ngày